

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Z
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 10 năm 2018
V/v : *tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ HẠNG

Các Hội thẩm nhân dân: Ông NGUYỄN ĐỨC ĐẸP
Bà VÕ THỊ BÒI

-Thư ký phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ THỦY – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Z

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa:
Bà LÊ ÁNH DƯƠNG - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Bà **VÕ THỊ HOÀI M, sinh năm 1993.

Địa chỉ HKTT: Thôn VĐ3, xã VL, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: Thôn PT, xã VL, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Bị đơn:* Ông **TÔ MINH T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn VĐ3, xã VL, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* **NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

Trụ sở: CC5 bán đảo Linh Đàm, quận HM, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương quyết T – chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Đắc T – chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Khánh Hòa (*Giấy ủy quyền 161/NHCS-UQ ngày 5 tháng 2 năm 2018*)

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn, bà Võ Thị Hoài M trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:*

Tôi và ông Tô Minh T tự nguyện kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, thành phố Z. Chúng tôi có một con chung là cháu Tô Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/10/2011. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, ông T cũng không có trách nhiệm với vợ con. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, tôi đã cố gắng nhẫn nhịn và chịu đựng nhưng ông Thành vẫn không thay đổi. Tôi và ông T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Tôi không thể chịu đựng được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Thành.

Về con chung: Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vào khoảng tháng 4/2016, gia đình tôi có vay Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Khánh Hòa số tiền 12.000.000 đồng, hiện nay đã trả cho Ngân hàng 4.500.000 đồng và còn nợ tiền gốc là 7.500.000 đồng và tiền lãi. Tuy nhiên tôi đã làm việc với Ngân hàng về khoản vay này và ngân hàng đồng ý để tôi sẽ chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vay trên. Do đó, ngày 09/4/2018 bà M làm đơn rút yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần nợ chung.

** Bị đơn, ông Tô Minh T:* Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn có tình không đến tòa làm việc, vì vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của ông T được.

** Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội ông Hồ Đắc T trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải:* Ngày 28/4/2016 ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Khánh Hòa có ký hợp đồng tín dụng theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với bà Võ Thị Hoài M, người thừa kế là ông Tô Minh T với số tiền 12.000.000 đồng; lãi suất vay: 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 0,95%/tháng; thời hạn vay 60 tháng. Quá trình vay bà M đã trả được số tiền gốc 4.500.000 đồng còn nợ số tiền gốc là 7.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Hiện nay, bà M và ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, về số tiền vay còn nợ trên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Z giải quyết trong vụ án ly hôn giữa bà M và ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015. Về nội dung vụ án: nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Hoài M và ông Tô Minh T không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Võ Thị Hoài M được ly hôn với ông Tô Minh T. Giao con chung là cháu Tô Ngọc Diễm Q cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu. Tài sản chung, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ngày 04/4/2018 bà M có yêu cầu chia số nợ chung, tuy nhiên đến ngày 09/4/2018 và tại phiên tòa bà M đã rút yêu cầu này. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ngân hàng chính sách xã hội cũng không yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ của bà M và ông T. Vì vậy, đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với phần nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Tô Minh T vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Ngày 04/4/2018 bà Võ Thị Hoài M có yêu cầu chia số nợ chung, tuy nhiên đến ngày 09/4/2018 và tại phiên tòa bà M đã rút yêu cầu này, việc rút yêu cầu của bà M là tự nguyện. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ngân hàng chính sách xã hội cũng không yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ chung của bà M và ông T. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia nợ chung mà bà M đã rút.

** Về quan hệ hôn nhân và gia đình:*

[1] Bà Võ Thị Hoài M và ông Tô Minh T kết hôn vào ngày 07/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã VL, Z, Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 151 quyển 01/2011 - Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hòa thuận; Vợ chồng không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông T ngày càng có khoảng cách với nhau. Mặc dù vậy, bà M đã nhiều lần cố gắng hòa thuận để tiếp tục chung sống nhưng không có kết quả. Thực tế bà M và ông T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay, vợ chồng bỏ mặc nhau, mỗi người sống một nơi không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà M là chính đáng có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Về con chung:* Bà Võ Thị Hoài M và ông Tô Minh T có một con chung là cháu Tô Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/10/2011. Bà M nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu Q đang sống cùng với bà M, hiện nay cháu đang còn nhỏ rất cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, việc bà M yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Q là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Về tài sản chung:* Bà Võ Thị Hoài M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

** Về án phí:* Bà Võ Thị Hoài M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Thị Hoài M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Võ Thị Hoài M

Bà Võ Thị Hoài M được ly hôn ông Tô Minh T

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Tô Ngọc Diễm Q, sinh ngày 20/10/2011 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Tô Minh T do bà M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Bà Võ Thị Hoài M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia nợ chung của nguyên đơn, bà Võ Thị Hoài M.

5. *Về án phí:* Bà Võ Thị Hoài M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền

số AA/2016/0008720 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z. (bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm)

Hoàn trả cho bà M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008803 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp.Z;
- Chi cục THADS Tp.Z;
- UBND xã VL, Z;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Lê Thị Hạng